



NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 12

A. CHUYÊN ĐỀ 1: KĨ NĂNG LÀM KIỂU BÀI ĐỌC - HIỂU

I. Một số kiến thức bổ trợ

1. Các biện pháp tu từ của tiếng Việt

a. Các biện pháp tu từ ngữ âm:

- Biện pháp hài thanh
- Biện pháp điệp âm

b. Các biện pháp tu từ ngữ nghĩa

- Điệp ngữ
- Liệt kê và tăng cấp

* **Lưu ý:** Tăng cấp thực chất cũng là một loại liệt kê nhưng là sự sắp xếp có hướng hoặc là tiến dần (tiệm tiến) hoặc là lùi dần (tiệm thoái).

- Ngoa dụ (phóng đại, khoa trương, thậm xưng)
- Nói giảm
- Phản ngữ (nghịch nghĩa, tương phản)
- Phép lạng
- Chơi chữ.

c. Các biện pháp tu từ cú pháp

- Điệp cú pháp
- Đảo ngữ (nhấn mạnh các thành phần câu).

2. Câu:

- Các thành phần câu:
 - + Thành phần nòng cốt của câu
 - + Các thành phần phụ của câu
- Cấu tạo ngữ pháp của một số kiểu câu:
 - + Câu đơn
 - + Câu ghép
 - + Câu phức thành phần

- + Câu đặc biệt
- Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói:
- + Câu trần thuật (câu kể)
- + Câu nghi vấn (câu hỏi)
- + Câu cầu khiến (câu mệnh lệnh)
- + Câu cảm thán
- * **Lưu ý:** Học sinh tìm hiểu thêm về câu phủ định (câu bác bỏ)
- Nghĩa của câu tiếng Việt
- + Nghĩa tường minh
- + Nghĩa hàm ý

3. Đoạn văn

- Khái niệm về đoạn văn
- Câu đề (câu chủ đề) trong đoạn văn
- Cách triển khai đoạn văn
- Liên kết trong đoạn văn và liên kết giữa các đoạn văn
- + Về nội dung: Liên kết chủ đề và liên kết lôgic.
- + Về hình thức:
 - Phép nối
 - Phép lặp
 - Phép thế
 - Phép liên tưởng
 - Phép đồng nghĩa, trái nghĩa
 - Phép (trật tự) tuyến tính

* **Lưu ý:** Liên kết đoạn văn với đoạn văn: Ngoài các phép liên kết nêu trên, học sinh cần chú ý đến: câu chuyển tiếp (câu nối) và đoạn văn chuyển tiếp.

4. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Khái quát về phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- Biết cách nhận diện phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

III. Những lưu ý khi làm kiểu bài đọc - hiểu

Để làm tốt bài đọc - hiểu, học sinh cần chú ý các điểm sau:

1. Ngữ liệu đọc - hiểu:

- Ngữ liệu nằm trong SGK hoặc ngoài SGK

2. Yêu cầu đọc - hiểu

* Đọc kĩ văn bản để:

- Hiểu văn bản theo các cấp độ: dấu câu, ký hiệu ngôn ngữ, từ, câu, nội dung văn bản. Cụ thể:

+ Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của: các dấu câu, ký hiệu ngôn ngữ

+ Giải thích một từ (hiểu nghĩa của từ)

+ Giải thích một câu (hiểu nghĩa của câu)

+ Nội dung văn bản (Đặt tên cho văn bản hoặc giải thích được tên của văn bản, chủ đề văn bản, cảm xúc chủ đạo của văn bản, tóm tắt văn bản, cảm hứng, tình cảm của người đọc sau khi đọc văn bản...)

- Hiểu biết về kỹ năng: dùng từ, đặt câu, viết đúng chính tả...

- Hiểu biết về thể loại, các phương tiện liên kết, các biện pháp tu từ...

- Xác định được phong cách ngôn ngữ của các văn bản

3. Tham khảo một đề đọc - hiểu sau đây:

Đọc câu chuyện về vị quan tòa công tâm để trả lời các câu hỏi liên quan. (Khoanh tròn đáp án mà em lựa chọn)

VỊ QUAN TÒA CÔNG TÂM

Vị vua Algeria tên là Bauakas muốn tìm hiểu xem có đúng là trong đất nước của ông có một vị quan tòa có khả năng tìm ra sự thật rất nhanh và không có tên lừa đảo nào qua mặt được như ông đã nghe kể hay không. Bauakas cải trang thành thương nhân và lên ngựa tới thành phố nơi quan tòa sống.

Trên đường vào thành phố, một người tàn tật lại gần và cầu xin nhà vua bố thí. Bauakas cho anh ta tiền và định đi tiếp thì anh ta túm lấy quần áo của ông.

"Anh muốn gì nữa?" nhà vua hỏi. "Chẳng lẽ tôi chưa cho anh tiền sao?"

"Ông đã bố thí cho tôi rồi", người tàn tật nói, "Giờ ông hãy ban cho tôi một ân huệ. Xin cho tôi quá giang một đoạn đường vào quảng trường thành phố, nếu không lũ ngựa và lạc đà sẽ giẫm đạp tôi".

Bauakas cho người tàn tật ngồi phía sau và đưa anh ta vào quảng trường thành phố. Tối đây, ông dừng ngựa nhưng người tàn tật không xuống.

"Chúng ta đã đến quảng trường, tại sao anh không xuống?" Bauakas hỏi.

"Sao tôi phải làm thế?" gã ăn xin đáp lại. "Con ngựa này là của tôi. Nếu ông không muốn trả lại, chúng ta sẽ đến tòa giải quyết".

Nghe thấy cãi nhau, người xung quanh bảo họ:

"Đến gặp quan tòa đi! Ông ấy sẽ giải quyết cho hai người!".

Bauakas và người tàn tật đến gặp quan tòa. Ở tòa đang có nhiều người khác, vị quan tòa gọi từng người theo thứ tự. Trước khi đến lượt Bauakas và người tàn tật, vị quan tòa đang nghe câu chuyện của một trí thức và người nông dân. Họ đến cùng một phụ nữ; người nông dân cho biết đó là vợ ông, còn người học giả lại bảo của vợ mình. Vị quan tòa nghe xong, im lặng một lúc, rồi nói:

"Để người phụ nữ này ở đây, ngày mai hai người quay lại".

Khi hai người kia đi khỏi, có người bán thịt và người bán dầu đến trước vị quan tòa. Người bán thịt dính đầy máu còn người bán dầu dính đầy dầu. Trong tay người bán thịt cầm tiền còn người bán dầu đang giữ tay anh ta.

"Tôi đang mua dầu của người này" - người bán thịt kể - "Khi tôi đang rút ví lấy tiền để trả, hắn liền túm lấy tay tôi và cố lấy tiền của tôi. Đó là nguyên nhân chúng tôi đến gặp ngài - tôi đang giữ ví của mình, còn hắn đang cầm tay tôi. Nhưng đây là tiền của tôi, hắn chính là tên ăn cắp".

Đến lượt người bán dầu kể "Đó không phải là sự thật", anh ta nói..
"Người bán thịt đến mua dầu, sau khi tôi đã đổ đầy chai dầu, hắn nhờ tôi đổi một mẩu vàng. Khi tôi lấy tiền ra và đặt lên ghế, hắn đã tóm lấy và định chạy trốn. Tôi nhanh tay tóm lấy hắn như ngài thấy tôi đem hắn đến cho ngài xử".

Vị quan tòa im lặng một lúc rồi nói: "Để tiền lại đây, ngày mai hai người quay lại".

Khi đến lượt mình, Bauakas kể lại chuyện xảy ra. Vị quan tòa lắng nghe, sau đó yêu cầu kẻ ăn mày kể.

"Tất cả những gì hắn nói không phải sự thật", tên ăn mày nói. "Hắn đang ngồi dưới đất, gặp tôi đi vào, thành phố, hắn xin đi nhờ. Tôi cho hắn lên ngựa đi cùng và đưa hắn tới nơi cần đến. Nhưng khi chúng tôi đến đây, hắn không chịu xuống mà lại còn cưỡi đây là ngựa của hắn, đó không phải sự thật".

Vị quan tòa suy nghĩ một lát rồi bảo: "Để con ngựa ở đây, ngày mai hai người quay lại".

Ngày hôm sau, nhiều người đến tòa nghe phán quyết của vị quan tòa.

Đầu tiên là vụ của nông dân và tri thức.

"Đưa vợ ông đi", vị quan tòa nói với người tri thức, "tên nông dân này bị phạt đánh 50 roi".

Người tri thức đưa vợ đi, còn người nông dân ở lại chịu phạt.

Tiếp đến vị quan tòa gọi người bán thịt.

"Tiền này là của anh", ông nói. Sau đó vị quan tòa chỉ vào kẻ bán dầu và nói: "Phạt đánh hắn 50 roi".

Sau đó, ông gọi Bauakas và tên ăn mày.

"Ông có thể nhận ra con ngựa của ông giữa một đàn có hai mươi con ngựa không?" vị quan hỏi Bauakas.

"Tôi nhận được", đức vua đáp.

"Còn anh?" ông hỏi người tàn tật

"Tôi nhận được", hắn trả lời

"Đi theo tôi", vị quan tòa nói với Bauakas.

Họ đến chuồng ngựa. Bauakas chỉ ngay vào con ngựa của ông đang đứng giữa hai mươi con khác. Tiếp đến, vị quan tòa đưa người tàn tật đến chuồng ngựa nhận dạng. Hắn nhận ra ngựa và chỉ vào nó. Vị quan tòa quay về tòa và ngồi xuống ghế.

"Mang con ngựa đi, nó là của ông", vị quan nói với Bauakas. "Phạt tiền ăn mày này 50 roi".

Khi quan tòa trở về nhà, Bauakas đi sau ông.

"Ông cần gì nữa?" vị quan hỏi. "Chẳng lẽ ông không vừa lòng với phán quyết của tôi à?"

"Tôi hài lòng", Bauakas trả lời. "Nhưng tôi rất muốn được biết là tại sao ông biết người phụ nữ kia là vợ của học giả, tiền là của người bán thịt, con ngựa là của tôi chứ không phải của tên ăn mày".

"Đây là lí do tôi biết về thân thế của người phụ nữ: Sáng nay tôi đưa cho chị ta mứt và nói: "Hãy đổ đầy lọ mứt này cho tôi".

Chị ta cầm lấy, nhanh chóng và khéo léo rửa sạch, sau đó đổ đầy mứt vào; do đó đây chắc hẳn là công việc chị ta quen làm. Nếu là vợ của nông dân, chị ta sẽ không biết làm việc này. Điều đó chứng tỏ người tri thức nói thật.

"Và đây là lí do tôi biết về số tiền: Tôi thả tiền vào một cốc nước đầy, sáng ra tôi quan sát xem có dầu nổi trên mặt nước hay không. Nếu là của người bán dầu, tiền này sẽ dính dầu. Nhưng không có dầu nổi trên mặt nước nên người bán thịt đã nói thật.

"Còn chuyện tìm ra ngựa thì phức tạp hơn. Người tàn tật đã nhận ra ngựa giữa hai mươi con khác và ông cũng thế. Tuy nhiên, mục đích tôi đưa hai người vào chuồng ngựa không phải để nhận dạng, mà tôi muốn xem chú ngựa biết ai. Khi ông chạm vào, nó vểnh tai và nâng chân lên. Theo đó, tôi biết chính ông là chủ nhân thực sự của chú ngựa này".

Bauakas nói với vị quan tòa: "Tôi không phải dân buôn mà là vua Bauakas", tôi đến đây để chứng thực những lời đồn về ông. Tôi thấy ông là vị quan thông minh. Hãy nói cho tôi biết ông muốn gì, ông sẽ được nhận thưởng của tôi".

Câu hỏi 1:

Ở đoạn đầu câu chuyện, chúng ta được biết Bauakas đã cải trang thành một thương nhân.

Tại sao Bauakas không muốn bị phát hiện?

A. Ông muốn biết liệu mình có được tuân lệnh ngay cả khi cải trang thành "dân thường".

B. Ông dự định xuất hiện trước vị quan toà trong vai của một thương nhân.

C. Ông thích cải trang để đi lại tự do và trêu chọc người khác.

D. Ông muốn quan sát vị quan toà làm việc như bình thường, không bị ảnh hưởng khi nhà vua xuất hiện.

Câu hỏi 2:

Vị quan toà đã làm cách nào để biết người phụ nữ là vợ của học giả?

A. Bằng cách quan sát hình dáng và thấy chị ta không có vẻ ngoài giống vợ của một người nông dân.

B. Bằng cách nghe người trí thức và nông dân kể lại câu chuyện trước toà.

C. Bằng cách theo dõi chị ta phản ứng với người trí thức và nông dân trước toà.

D. Bằng cách kiểm tra kinh nghiệm làm việc giúp đỡ chồng.

Câu hỏi 3:

Em có nghĩ rằng việc vị quan toà tuyên **cùng** một hình phạt cho các tội phạm là công bằng hay không? Giải thích câu trả lời, đề cập tới điểm giống và khác nhau giữa ba trường hợp trong câu chuyện.

.....
.....
.....

Câu hỏi 4:

Nội dung chính của câu chuyện là gì?

- A. Những tên tội phạm chính.
- B. Công lí sáng suốt.
- C. Người trị vì giỏi.
- D. Mưu mẹo thông minh.

Câu hỏi 5:

Với câu hỏi này, em cần so sánh giữa pháp luật và công lí ở đất nước mình với pháp luật và công lí nêu trong câu chuyện.

Trong truyện này, những tên tội phạm đã bị pháp luật trừng trị. Có điểm gì **tương đồng** giữa pháp luật và công lí ở đất nước của em với pháp luật và công lí trong câu chuyện này?

.....

.....

.....

Trong truyện, vị quan toà đã phạt mỗi tên tội phạm 50 roi. Ngoài các hình thức tuyên phạt, có điểm nào **khác** giữa pháp luật và công lí ở đất nước của em với pháp luật và công lí thể hiện trong câu chuyện này?

.....

.....

.....

Câu hỏi 6:

Tên nào chính xác nhất sau đây mô tả câu chuyện này?

- A. Câu chuyện dân gian.
- B. Câu chuyện du lịch
- C. Ghi chép lịch sử
- D. Thảm kịch.

B. CHUYÊN ĐỀ 2: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. Các dạng đề

1. Nghị luận về một hiện tượng đời sống
2. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí
3. Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học

II. Cách làm bài

1. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

a. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài

- Nêu hiện trạng của vấn đề với các biểu hiện, các dạng tồn tại (thậm chí cần cả những số liệu cụ thể)

- Phân tích: nguyên nhân, tác động, hệ quả

- Đưa ra các giải pháp

- Bài học cho bản thân

2. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

a. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài:

- Giải thích tư tưởng, đạo lí cần nghị luận (tùy từng yêu cầu của đề bài mà phân giải thích có thể ngắn hoặc dài. Tuy nhiên, cách giải thích phải cô đọng, giản dị, dễ hiểu).

- Phân tích những mặt đúng, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề cần nghị luận.

- Chứng minh bằng thực tế

- Liên hệ - mở rộng, rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân

- c. Kết bài:*** Nhấn mạnh một lần nữa ý kiến của bản thân về vấn đề cần nghị luận

3. Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học

a. Mở bài

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm
- Nêu vấn đề xã hội mà tác phẩm đặt ra

b. Thân bài

- Tìm hiểu tác phẩm theo hướng làm rõ vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm (triển khai ngắn gọn, tránh lạc sang phân tích tác phẩm văn học)

- Khi đã xác định rõ vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học, người viết bài cần:

+ Xem xét vấn đề đó đúng hay sai? Vấn đề đó có được xã hội quan tâm không? v.v...

+ Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào?

+ Với cuộc sống ngày hôm nay, vấn đề đó được nhìn nhận, đánh giá ra sao? v.v...

- Bài học nhận thức và hành động cho bản thân về vấn đề cần nghị luận

c. Kết bài

- Nhấn mạnh một lần nữa suy nghĩ của bản thân về vấn đề cần nghị luận.

*** Lưu ý:**

1. Trên đây là các dạng đề nghị luận xã hội thường gặp và cách thức làm bài cho mỗi dạng. Tuy nhiên, trong quá trình học tập và làm bài kiểm tra, người viết tùy từng đề bài cụ thể mà xác định hướng triển khai cho phù hợp chứ không nên áp dụng máy móc.

2. Để làm tốt bài văn nghị luận xã hội, người viết phải trang bị cho mình những kiến thức sau:

- Kiến thức

+ Kiến thức từ: sách vở, các loại báo chí về mọi lĩnh vực của cuộc sống (lịch sử, chính trị, khoa học, tâm lí...)

+ Kiến thức từ đời sống (lắng nghe thời sự hàng ngày, cập nhật thông tin về những vấn đề trong nước cũng như quốc tế, v.v...)

Ngày đầu tiên, cậu bé đã đóng tất cả 37 cái đinh lên hàng rào. Nhưng vài tuần sau, cậu bé đã tập kiểm chế và số lượng đinh cậu đóng trên lên hàng rào ngày một ít đi. Đến một hôm, cậu đã không nổi nóng một lần nào trong suốt cả ngày. Cậu đến thưa với cha và ông bảo: "Tốt lắm, bây giờ nếu sau mỗi ngày con không hề nổi giận với ai, con hãy nhổ một cây đinh ra khỏi hàng rào".

Ngày lại ngày trôi qua, rồi cũng đến một hôm, cậu bé đã vui mừng hãnh diện tìm cha mình báo rằng đã không còn một cái đinh nào trên hàng rào nữa. Cha cậu liền đến bên hàng rào nhỏ nhẹ nói với cậu: "Con đã làm rất tốt, nhưng con hãy nhìn những lỗ đinh còn để lại trên hàng rào đi. Hàng rào đã không giống như xưa nữa rồi. Nếu con nói điều gì trong cơn giận dữ, những lời nói ấy cũng giống như những lỗ đinh này, chúng để lại những vết thương khó lành trong lòng người khác. Cho dù sau đó con có nói xin lỗi bao nhiêu lần đi nữa, vết thương đó vẫn còn lại mãi mãi..."

(Lược thuật theo Mai Văn Khôi trong *Quà tặng của cuộc sống*, NXB Trẻ, TP . Hồ Chí Minh, 2003)

Suy ngẫm của em từ câu chuyện trên.

ĐỀ 3

VIỆC THÊU TRANH

Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi thường nhận đồ về thêu. Mẹ luôn ngồi trên ghế vào buổi sáng sớm, thêu rất nhanh. Tôi ngồi dưới đất, háo hức ngược nhìn lên cái khung thêu của mẹ với đôi mắt mở to. Tôi muốn nghe mẹ giải thích rằng mẹ đang làm gì. Mẹ bảo đó là việc thêu. Tôi bảo mẹ rằng nhìn từ phía dưới cái khung thêu thì nó cực kỳ lộn xộn và thực tình tôi chẳng biết nó là hình gì. Mẹ cười và bảo tôi cứ ra ngoài sân chơi, khi nào xong mẹ sẽ cho ngồi lên ghế xem.

Tôi cứ tự hỏi tại sao mẹ dùng chỉ sẫm với chỉ màu sáng xen kẽ nhau, tự hỏi nó có đem lại hiệu ứng gì không và tại sao mẹ lại làm ra một thứ lộn xộn đến thế. Chỉ vài phút sau, mẹ đã gọi tôi vào ghế cùng mẹ để xem.

Tôi vẫn còn nhớ tôi đã hào hứng đến thế nào khi ngồi lên ghế. Và tôi gần như kêu ầm lên: Trước mắt là bức tranh có trời, có hoa.. có đủ màu sáng và màu tối, đẹp đến mức tôi không thể tin được.

Và mẹ tôi bảo, cuộc sống cũng như vậy...

Từ việc thêu tranh, em có suy nghĩ gì về cuộc sống?

+ Những trải nghiệm của cá nhân

3. Để bài văn nghị luận xã hội có sự hấp dẫn, sinh động thì người viết phải tạo dựng được hệ thống dẫn chứng thích hợp (dẫn chứng từ thực tế đời sống, càng xác thực, cụ thể càng có sức thuyết phục cao).

4. Trong bài văn nghị luận xã hội, khi người viết bài liên hệ, đưa ra bài học cá nhân thì cần phải có thái độ chân thành, đúng mực, tránh cách thể hiện gượng ép, giả tạo.v.v...

Sau đây là một số đề minh họa:

ĐỀ 1

THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT

Thượng đế lấy đất sét nặn ra con người. Khi ngài nặn xong vẫn còn thừa ra một mẩu đất.

- Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người? - Ngài hỏi.

Con người suy nghĩ một lúc: có vẻ như đã đầy đủ tay - chân - đầu... rồi nói:

- Xin ngài nặn cho con hạnh phúc

Thượng đế, dù thấy hết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:

- Này, tự đi mà nặn lấy cho mình hạnh phúc.

(Nguyễn Việt Thắng - Những giai thoại hay nhất về tình yêu và cuộc sống - Tập 2, tr. 104 - NXB Công an Nhân dân).

Suy nghĩ của anh (chị) về ý nghĩa của câu chuyện trên?

ĐỀ 2

NHỮNG VẾT ĐÌNH

Một cậu bé nọ có tính hay nổi nóng. Một hôm, cha cậu bé đưa cho cậu một túi đinh và bảo: "Mỗi khi con nổi nóng với ai đó thì hãy đóng một cái đinh lên chiếc hàng rào gỗ".